TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-11-2018
V/v ly hôn giữa chị P anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan.

2. Ông Bùi Hà Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng C Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, C khai vụ án dân sự thụ lý số 432/2018/TLST-HNGĐ ngày 14/9/2018 về việc " *ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1990 (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn C, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã P Sơn, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Nhã P trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Trần Văn C tại Ủy ban nhân dân xã P Sơn vào ngày 31/5/2013. Trước khi kết hôn hai bên có được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống với nhau ngay tại nhà anh C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Từ tháng 02/2017 vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có chung quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, tuy chung sống cùng nhà nhưng chị và anh C đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, không thể kéo dài chị làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đối với anh C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống với anh C, vợ chồng có 01 con chung là Trần Gia Minh, sinh ngày 06/02/2014. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung mà để hai vợ chồng chị tự thỏa thuận.Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng, chung, C nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị P trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P đề nghị ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung; tài sản riêng, chung; C nợ; ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Trần Văn C đều vắng mặt và có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà Thẩm phán và Thư ký Toà án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử cho ly hôn giữa chị P và anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghịTòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] ***Về hôn nhân****:* Chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Trần Văn C kết hôn vào ngày 31/5/2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P Sơn. Xác định hôn nhân giữa chị P và anh C là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay chị P xác định tình cảm không còn, giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh C. Do

vậy căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung và tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án chị P và anh C đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; 238; 147; 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Trần Văn C.

2. Về án phí**:** Chị Nguyễn Thị Nhã P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp đủ số tiền 300.000đ tại biên lai thu số AA/2017/0003458 ngày 14/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện L;
-UBND xã P Sơn;
- Các đươngsự;
-Lưu vp, hồ sơ./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh